

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN LÃNG
(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Yên Lãng)

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
1	Sở Nội Vụ	1.014680	Thủ tục tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”	TĐ-KT	77/QĐ-BNV ngày 14/01/2026	365/QĐ-TTPVHCC ngày 25/3/2026	483/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
2	Sở Nội Vụ	1.014149	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	TĐ-KT	821/QĐ-BNV ngày 01/8/2025	1169/QĐ-TTPVHCC ngày 12/8/2025	1231/QĐ-TTPVHCC ngày 29/8/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
3	Sở Nội Vụ	1.014150	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	TĐ-KT	821/QĐ-BNV ngày 01/8/2025	1169/QĐ-TTPVHCC ngày 12/8/2025	1231/QĐ-TTPVHCC ngày 29/8/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
4	Sở Nội Vụ	1.013744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ	Người có công	639/QĐ-BNV ngày	963/QĐ-TTPVHCC ngày	1053/QĐ-TTPVHCC ngày	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số

			cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý		20/6/2025	27/6/2025	11/7/2025						
5	Sở Nội Vụ	1.013745	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
6	Sở Nội Vụ	1.010772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
7	Sở Nội Vụ	1.010773	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
8	Sở Nội Vụ	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	5146/QĐ-TTPVH CC ngày 15/10/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số

9	Sở Nội Vụ	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
10	Sở Nội Vụ	1.010781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
11	Sở Nội Vụ	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
12	Sở Nội Vụ	1.010775	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01/01/1995 đến ngày 30/9/2006	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	5146/QĐ-Đ-TTPVH CC ngày 15/10/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
13	Sở Nội Vụ	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
14	Sở Nội Vụ	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	1082/QĐ-Đ-TTPVH CC ngày	1142/QĐ-TTPVHCC ngày 05/8/2025	Không quy định	Cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	3723/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số

			Lào, Căm-pu-chi-a			18/7/2025							
15	Sở Nội Vụ	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2021	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
16	Sở Nội Vụ	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
17	Sở Nội Vụ	2.002308	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với Thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
18	Sở Nội Vụ	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
19	Sở Nội Vụ	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do	Người có công	1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025	1559/QĐ-TTPVH CC ngày 10/11/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số

			địa phương quản lý										
20	Sở Nội Vụ	1.0108 21	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
21	Sở Nội Vụ	1.0108 24	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	391/TB-TTPVH CC ngày 31/12/2025	5146/QĐ-TTPVHCC ngày 15/10/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
22	Sở Nội Vụ	1.0108 29	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025	1559/QĐ-TTPVH CC ngày 10/11/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
23	Sở Nội Vụ	1.0108 30	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
24	Sở Nội Vụ	1.0108 04	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số

			anh hùng”										
25	Sở Nội Vụ	1.0108 05	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công	639/QĐ -BNV ngày 20/6/20 31	963/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1053/QĐ- TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/202 5	28/02/2 027	Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ờ i h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
26	Sở Nội Vụ	1.01 0833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	639/QĐ -BNV ngày 20/6/20 41	963/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1053/QĐ - TTPVHC C ngày 11/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
27	Sở Nội Vụ	2.00 0134	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn, VSLĐ	323/QĐ -BNV ngày 08/4/20 25	1722/Q Đ- TTPVH CC ngày 16/12/ 2025	1723/QĐ - TTPVHC C ngày 16/12/20 25	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã	4515/ QĐ- SNV ngày 02/12/2025	31/12 /2026	Điểm hỗ trợ DVC số
28	Sở Nội Vụ	1.00 0502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước	322/QĐ -BNV ngày 08/4/20 25	1031/Q Đ- TTPVH CC ngày 04/7/202 5	1227/QĐ - TTPVHC C ngày 28/8/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã	3176/QĐ- SNV ngày 20/6/2025	28/02 /2027	Điểm hỗ trợ DVC số
29	Sở Nội Vụ	1.00 5132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước	322/QĐ -BNV ngày 08/4/20 25	1031/Q Đ- TTPVH CC ngày 04/7/202 5	1227/QĐ - TTPVHC C ngày 28/8/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã	3176/QĐ- SNV ngày 20/6/2025	28/02 /2027	Điểm hỗ trợ DVC số
30	Sở Nội Vụ	1.01 4196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động	Việc làm	346/QĐ -BNV ngày	396/QĐ- TTPVH CC ngày	435/QĐ - TTPVH CC ngày	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số

			nước ngoài làm việc tại Việt Nam		24/3/2026	31/3/2026	06/04/2026						
31	Sở Nội Vụ	1.01/4197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2026	435/QĐ-TTPVH CC ngày 06/04/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
32	Sở Nội Vụ	1.01/4198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2026	435/QĐ-TTPVH CC ngày 06/04/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
33	Sở Nội Vụ	1.01/4199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2026	435/QĐ-TTPVH CC ngày 06/04/2026	Lệ phí: 400.000 đồng/1 giấy phép.	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
34	Sở Nội Vụ	1.01/4200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2026	435/QĐ-TTPVH CC ngày 06/04/2026	Lệ phí: 300.000 đồng/1 giấy phép.	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
35	Sở Nội Vụ	1.01/4201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2026	435/QĐ-TTPVH CC ngày 06/04/2026	Lệ phí: 300.000 đồng/1 giấy phép.	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
36	Sở Nội Vụ	2.00/1955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền	628/QĐ-BNV ngày	963/QĐ-TTPVH CC ngày	1043/QĐ-TTPVHC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp	3189/ QĐ-SNV ngày	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC

				lương	20/6/2025	27/6/2025	C ngày 09/7/2025			xã	20/6/2025		số
37	Sở Nội Vụ	1.01/2091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Lao động, tiền lương	Quyết định số 499/QĐ - BNV ngày 17/5/2025	Quyết định số 120/QĐ-TTPVH CC ngày 27/01/2026	234/QĐ-TTPVHC C ngày 14/02/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 76/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
38	Sở Nội Vụ	1.01/4942	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quỹ	217/QĐ -BNV ngày 09/3/2032	372/QĐ-TTPVH CC ngày 30/3/2032	430/QĐ-TTPVHC C ngày 4/2/2032	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
39	Sở Nội Vụ	1.01/4943	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	Quỹ	217/QĐ -BNV ngày 09/3/2033	372/QĐ-TTPVH CC ngày 30/3/2033	430/QĐ-TTPVHC C ngày 4/2/2033	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
40	Sở Nội Vụ	1.01/4944	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quỹ	217/QĐ -BNV ngày 09/3/2034	372/QĐ-TTPVH CC ngày 30/3/2034	430/QĐ-TTPVHC C ngày 4/2/2034	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41	Sở Nội Vụ	1.01/4945	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	Quỹ	217/QĐ -BNV ngày 09/3/2035	372/QĐ-TTPVH CC ngày 30/3/2035	430/QĐ-TTPVHC C ngày 4/2/2035	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
42	Sở Nội Vụ	1.01/4946	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quỹ	217/QĐ -BNV ngày 09/3/2036	372/QĐ-TTPVH CC ngày 30/3/2036	430/QĐ-TTPVHC C ngày 4/2/2036	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

43	Sở Nội Vụ	1.01 4947	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quỹ	217/QĐ -BNV ngày 09/3/20 37	372/QĐ- TTPVH CC ngày 30/3/203 7	430/QĐ- TTPVHC C ngày 4/2/2037	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
44	Sở Nội Vụ	1.01 3702	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	Hội	627/QĐ -BNV ngày 20/6/20 25	963/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1062/QĐ - TTPVHC C ngày 12/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
45	Sở Nội Vụ	1.01 3703	Thủ tục thành lập hội.	Hội	627/QĐ -BNV ngày 20/6/20 25	963/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1062/QĐ - TTPVHC C ngày 12/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
46	Sở Nội Vụ	1.01 3704	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Hội	627/QĐ -BNV ngày 20/6/20 25	963/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1062/QĐ - TTPVHC C ngày 12/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
47	Sở Nội Vụ	1.01 3706	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	Hội	627/QĐ -BNV ngày 20/6/20 25	5146/Q Đ- TTPVH CC ngày 15/10/ 2025	1062/QĐ - TTPVHC C ngày 12/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
48	Sở Nội Vụ	1.01 3707	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội.	Hội	627/QĐ -BNV ngày 20/6/20 25	963/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1062/QĐ - TTPVHC C ngày 12/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
49	Sở Nội Vụ	1.01 3708	Thủ tục hội tự giải thể.	Hội	627/QĐ -BNV ngày 20/6/20	963/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202	1062/QĐ - TTPVHC C ngày	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

					25	5	12/7/2025							
50	Sở Nội Vụ	1.01 3709	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHC C ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã				Điểm hỗ trợ DVC số
51	Sở Nội Vụ	1.01 3710	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHC C ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã				Điểm hỗ trợ DVC số
52	Sở Nội Vụ	1.01 0816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	95/QĐ-TTPVH CC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHC C ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028		Điểm hỗ trợ DVC số
53	Sở Nội Vụ	1.01 0817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	95/QĐ-TTPVH CC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHC C ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028		Điểm hỗ trợ DVC số
54	Sở Nội Vụ	1.01 0818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	95/QĐ-TTPVH CC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHC C ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028		Điểm hỗ trợ DVC số
55	Sở Nội Vụ	1.01 0819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	95/QĐ-TTPVH CC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHC C ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028		Điểm hỗ trợ DVC số
56	Sở Nội Vụ	1.01	Giải quyết chế độ người có	Người có	639/QĐ	95/QĐ-	105/QĐ-	Không quy định	Cấp	UBND	số 71/QĐ-	31/12		Điểm hỗ

	Vụ	0820	công giúp đỡ cách mạng.	công	-BNV ngày 20/6/20 25	TTPVH CC ngày 21/01/20 26	TTPVHC C ngày 22/01/20 26		xã	D cấp xã	SNV ngày 13/01/2026	/2028	trợ DVC số
57	Sở Nội Vụ	1.01 4359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Người có công	1136/QĐ- Đ-BNV ngày 03/10/2 025	95/QĐ- TTPVH CC ngày 21/01/20 26	105/QĐ- TTPVHC C ngày 22/01/20 26	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã	số 71/QĐ- SNV ngày 13/01/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
58	Sở Nội Vụ	1.01 0827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú (Đối với trường hợp Người có công di chuyển trong Thành phố)	Người có công	320/QĐ -BNV ngày 08/4/20 25	95/QĐ- TTPVH CC ngày 21/01/20 26	105/QĐ- TTPVHC C ngày 22/01/20 26	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã	số 71/QĐ- SNV ngày 13/01/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ời h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
59	Sở Nội Vụ	2.00 2821	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	Lĩnh vực đào tạo nghề	Quyết định số 1561/QĐ- BNV ngày 31/12/2 025	124/QĐ- TTPVH CC ngày 27/01/20 26	306/QĐ- TTPVHC C ngày 13/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
60	Sở Y tế	1.01 4028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp huưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	2180/QĐ- BYT ngày 30/06/2 025	1051/QĐ- TTPVH CC ngày 10/07/ 2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/20 25	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
61	Sở Y tế	1.01 4027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp huưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	2180/QĐ- BYT ngày 30/06/2 025	1051/QĐ- TTPVH CC ngày 10/07/ 2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/20 25	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
62	Sở Y tế	2.00 1088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em	792/QĐ -BYT ngày 12/03/2 013	95/QĐ- TTPVH CC ngày 14/02/20 25	1268/QĐ - TTPVHC C ngày 09/09/20 25	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
63	Sở Y tế	1.00 9407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ	Y Dược cổ truyền	2831/QĐ- BYT ngày 04/7/20	1395/QĐ- TTPVH CC	1483/QĐ - TTPVHC C ngày	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã	02/QĐ-SYT ngày 01/01/2026	31/12 /2026	Chi nhánh TTPVH

			sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế		1	ngày 02/10/2025	24/10/2025						CC
64	Sở Y tế	1.00 1776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-Đ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
65	Sở Y tế	1.00 1653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	970/QĐ-Đ-BYT ngày 21/03/2025	626/QĐ-TTPVH CC ngày 17/04/2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
66	Sở Y tế	2.00 1942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	2082/QĐ-Đ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1298/QĐ - TTPVHC C ngày 18/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
67	Sở Y tế	2.00 1944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	2082/QĐ-Đ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1268/QĐ - TTPVHC C ngày 09/09/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
68	Sở Y tế	1.00 4941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	2082/QĐ-Đ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1298/QĐ - TTPVHC C ngày 18/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
69	Sở Y tế	2.00 1947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc	Trẻ em	2082/QĐ-Đ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1268/QĐ - TTPVHC C ngày 09/09/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

			biệt				25						
70	Sở Y tế	1.00 4946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em	2082/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1268/QĐ - TTPVHC C ngày 09/09/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
71	Sở Y tế	1.00 1699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	970/QĐ-BYT ngày 21/03/2025	626/QĐ-TTPVH CC ngày 17/04/2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
72	Sở Y tế	2.00 0355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
73	Sở Y tế	1.00 1731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
74	Sở Y tế	1.01 3855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1483/QĐ - TTPVHC C ngày 24/10/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; UBND	1555/QĐ-SYT; 53/2025/QĐ-UBND	28/02/2027	Chi nhánh TTPVH CC

									D cấp xã				
75	Sở Y tế	1.01 3851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1483/QĐ - TTPVHC C ngày 24/10/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; UBN D cấp xã	1555/QĐ-SYT 53/2025/QĐ-UBND	28/02/2027	Chi nhánh TTPVH CC
76	Sở Y tế	1.00 2944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	2495/QĐ-BYT ngày 04/08/2025	1395/QĐ-TTPVH CC ngày 02/10/2025	1483/QĐ - TTPVHC C ngày 24/10/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	02/QĐ-SYT ngày 01/01/2026	31/12/2026	Điểm hỗ trợ DVC số
77	Sở Y tế	1.00 2467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Phòng bệnh	2495/QĐ-BYT ngày 04/08/2025	1395/QĐ-TTPVH CC ngày 02/10/2025	1483/QĐ - TTPVHC C ngày 24/10/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	02/QĐ-SYT ngày 01/01/2026	31/12/2026	Điểm hỗ trợ DVC số
78	Sở Y tế	2.00 0282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1186/QĐ - TTPVHC C ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND cấp xã; Cơ sở trợ giúp xã hội			Điểm hỗ trợ DVC số
79	Sở Y tế	2.00 0286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày	954/QĐ-TTPVH CC ngày	1483/QĐ - TTPVHC	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp	UBND cấp xã;			Điểm hỗ trợ DVC số

			giúp xã hội		24/06/2025	27/06/2025	C ngày 24/10/2025		xã	Cơ sở trợ giúp xã hội			
80	Sở Y tế	2.00 1661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	2179/QĐ-BYT ngày 30/06/2025	1027/QĐ-TTPVH CC ngày 03/07/2025	1268/QĐ - TTPVHC C ngày 09/09/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
81	Sở Văn hóa thể thao	1.01 4312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	3101/QĐ-BVHT TDL ngày 26/08/2025	1259/QĐ-TTPVH CC ngày 08/9/2025	1266/QĐ - TTPVHC C ngày 09/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
82	Sở Văn hóa thể thao	1.01 4310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	3101/QĐ-BVHT TDL ngày 26/08/2025	1259/QĐ-TTPVH CC ngày 08/9/2025	1266/QĐ - TTPVHC C ngày 09/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
83	Sở Văn hóa thể thao	1.01 3793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2069/QĐ-BVHT TDL ngày 19/06/2025	959/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1122/QĐ - TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
84	Sở Văn hóa thể thao	1.01 3794	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2069/QĐ-BVHT TDL ngày 19/06/2025	959/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1122/QĐ - TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

				tử									
85	Sở Văn hóa thể thao	1.01 3792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	4508/QĐ-BVHT TDL ngày 28/11/2025	1666/QĐ-TTPVH CC NGÀY 11/12/2025	1122/QĐ-TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
86	Sở Văn hóa thể thao	1.01 3791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa	2069/QĐ-BVHT TDL ngày 19/06/2025	959/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
87	Sở Văn hóa thể thao	2.00 1594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	4508/QĐ-BVHT TDL ngày 28/11/2025	1666/QĐ-TTPVH CC ngày 11/12/2025	1122/QĐ-TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBN D cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
88	Sở Văn hóa thể thao	1.00 3725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	2302/QĐ-BVHT TDL ngày 02/07/2025	959/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
89	Sở Văn hóa thể thao	1.01 2085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình	3657/QĐ-BVHT TDL ngày 29/11/2023	558/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHC C ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
90	Sở Văn hóa thể thao	1.01 2084	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá	Gia đình	3657/QĐ-BVHT TDL	558/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHC C ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

			nhân		ngày 29/11/ 2023	5	5							
--	--	--	------	--	------------------------	---	---	--	--	--	--	--	--	--

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủ y qu y ề n (nếu có)	Th ờ i h ạn u y qu y ề n	Địa điểm tiếp nhận
91	Sở Văn hóa thể thao	1.00 0485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục thể thao	5001/Q Đ- BVHTT DL	177/QĐ- TTPVH CC ngày 06/02/20 26	340/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ- SVHTT ngày 07/2/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
92	Sở Văn hóa thể thao	1.00 0544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, vovinam	Thể dục thể thao	4508/Q Đ- BVHTT DL	1666/Q Đ- TTPVH CC NGÀY 11/12/2 025	314/QĐ- TTPVHC C ngày 15/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ- SVHTT ngày 07/2/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
93	Sở Văn hóa thể thao	1.00 1809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	3684/Q Đ- BVHTT DL	558/QĐ- TTPVH CC ngày 31/3/202 5	607/QĐ- TTPVHC C ngày 15/4/202 5	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	18/QĐ- SVHTT ngày 12/01/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
94	Sở Văn hóa thể thao	1.00 4650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng- rôn	Quảng cáo	190/QĐ - BVHTT DL	217/QĐ- TTPVH CC ngày 13/2/202 6	314/QĐ- TTPVHC C ngày 15/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ- SVHTT ngày 07/2/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
95	Sở Văn hóa thể thao	2.00 0794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	Thể dục thể thao	109/Q Đ- BVHT TDL ngày 19/01/ 2025	177/QĐ- TTPVH CC ngày 06/02/20 26	340/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
96	Sở Văn	1.00	Thủ tục thông báo tổ chức lễ	Văn hóa	3684/Q	558/QĐ- TTPVH	607/QĐ- TTPVHC	Không quy định	Cấp	UBN			Điểm hỗ

	hóa thể thao	3622	hội cấp xã		Đ-BVHTT DL	CC ngày 31/3/2025	C ngày 15/4/2025		Xã	D cấp xã			trợ DVC số
97	Sở Văn hóa thể thao	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa	696/QĐ - BVHTT DL	959/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1122/QĐ - TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
98	Sở Văn hóa thể thao	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	Văn hóa	696/QĐ - BVHTT DL	558/QĐ-TTPVH CC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHC C ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVH CC
99	Sở Văn hóa thể thao	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thẻ dực thể thao	5001/QĐ - BVHTT DL	177/QĐ-TTPVH CC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHC C ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
100	Sở Văn hóa thể thao	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thẻ dực thể thao	5001/QĐ - BVHTT DL	177/QĐ-TTPVH CC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHC C ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
101	Sở Văn hóa thể thao	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thẻ dực thể thao	5001/QĐ - BVHTT DL	177/QĐ-TTPVH CC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHC C ngày 23/3/2026	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000 đồng/lần thẩm định	Cấp Xã	UBN D cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số

10 2	Sở Văn hóa thể thao	1.00 1213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thẻ dực thể thao	4508/Q Đ- BVHTT DL	1666/Q Đ- TTPVH CC NGÀY 11/12/2 025	314/QĐ- TTPVHC C ngày 15/3/202 6	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghệ: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Cấp Xã	UBND D cấp xã	93/QĐ- SVHTT ngày 07/2/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
10 3	Sở Văn hóa thể thao	1.00 1517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thẻ dực thể thao	4508/Q Đ- BVHTT DL	1666/Q Đ- TTPVH CC NGÀY 11/12/2 025	314/QĐ- TTPVHC C ngày 15/3/202 6	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghệ: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Cấp Xã	UBND D cấp xã	93/QĐ- SVHTT ngày 07/2/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
10 4	Sở Văn hóa thể thao	1.00 5162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thẻ dực thể thao	5001/Q Đ- BVHTT DL	177/QĐ- TTPVH CC ngày 06/02/20 26	340/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghệ: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Cấp Xã	UBND D cấp xã	93/QĐ- SVHTT ngày 07/2/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số
10	Sở Văn	1.00	Thủ tục cấp Giấy chứng	Thẻ dực	4508/Q	959/QĐ- TTPVH	314/QĐ- TTPVHC	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định	Cấp	UBND	93/QĐ-	31/12	Điểm hỗ

5	hóa thể thao	5357	nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	thể thao	Đ-BVHTT DL	CC ngày 27/6/2025	C ngày 15/3/2026	cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Xã	D cấp xã	SVHTT ngày 07/2/2026	/2028	trợ DVC số
106	Sở Văn hóa thể thao	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	682/QĐ - BVHTT DL	959/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1122/QĐ - TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
107	Sở Văn hóa thể thao	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	682/QĐ - BVHTT DL	959/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1122/QĐ - TTPVHC C ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND cấp xã	18/QĐ-SVHTT ngày 12/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
108	Sở Văn hóa thể thao	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa	5037/QĐ - BVHTT DL	1560/QĐ-TTPVH CC ngày 10/11/2025	1573/QĐ - TTPVHC C ngày 13/11/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	66/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Phân cấp về xã	Điểm hỗ trợ DVC số
109	Sở Văn hóa thể thao	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	776/QĐ - BVHT TDL ngày 07/04/2026	513/QĐ-TTPVH CC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
110	Sở Văn hóa thể thao	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cơ sở in có trụ sở và chi	Xuất Bản, In và Phát	776/QĐ - BVHT TDL	513/QĐ-TTPVH CC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh

			nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	hành	ngày 07/04/2026	6		xã				TTPVH CC	
11 1	Sở Văn hóa thể thao	1.00 1029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	Văn hóa	776/QĐ-BVHT TDL ngày 07/04/2026	513/QĐ-TTPVH CC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	66/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Phân cấp về xã	Điểm hỗ trợ DVC số
11 2	Sở Văn hóa thể thao	1.01 4475	Thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Văn hóa	776/QĐ-BVHT TDL ngày 07/04/2026	513/QĐ-TTPVH CC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
11 3	Sở Nông nghiệp Môi trường	3.00 0502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2653/QĐ-BNNMT ngày 11/07/2025	1344/QĐ-TTPVH CC ngày 22/9/2025	439/QĐ-TTPVHC C ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
11 4	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 3967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2304/QĐ-BNNMT ngày 23/09/2025	956/QĐ-TTPVH CC ngày 27/3/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/3/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
11 5	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 2812	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2304/QĐ-BNNMT ngày 23/09/2025	956/QĐ-TTPVH CC ngày 27/3/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/3/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
11	Sở	1.01	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các	Chăn	2303/Q	592/QĐ-	Đang	Không quy định	Cấp	UBND			Điểm hỗ

6	Nông nghiệp Môi trường	2837	nghe khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Đ-BNNM T ngày 23/06/2025	TTPVH CC ngày 09/4/2025	cập nhật		Xã	D cấp xã			trợ DVC số
117	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2303/QĐ-BNNM T ngày 23/06/2025	592/QĐ-TTPVH CC ngày 09/4/2025	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
118	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	1215/QĐ-BNNM T ngày 29/04/2025	1344/QĐ-TTPVH CC ngày 22/9/2025	439/QĐ-TTPVHC C ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
119	Sở Nông nghiệp	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng	Lâm nghiệp (Bộ	2261/QĐ-BNNM T ngày	1344/QĐ-TTPVH CC	439/QĐ-TTPVHC C ngày 06/4/202	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	nghị ệp Môi trườ ng	đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Nông nghiệp và Môi trường)	20/06/2 025	ngày 22/9/202 5	6						
--	---------------------------------	---	-------------------------------------	----------------	-----------------------	---	--	--	--	--	--	--

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ời hạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
12 0	Sở Nôn g nghi ệp Môi trườ ng	1.01 1471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2391/QĐ-BNNMT ngày 27/06/2025	1018/QĐ-TTPVHCC ngày 30/6/2025	439/QĐ-TTPVHC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
12 1	Sở Nôn g nghi ệp Môi trườ ng	1.00 3596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	1597/QĐ-BNNMT ngày 23/05/2025	955/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	443/QĐ-TTPVHC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
12 2	Sở Nôn g nghi ệp Môi trườ ng	2.00 1827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2309/QĐ-BNNMT ngày 23/06/2025	246/QĐ-TTPVHCC ngày 26/02/2026	386/QĐ-TTPVHC ngày 30/3/2026	700.000 đồng/cơ sở	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số

12 3	Sở Nông nghị ệp Môi trườ ng	1.00 5412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghị	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	2194/Q Đ-BTC ngày 27/06/2 025	1054/Q Đ- TTPVH CC ngày 11/7/202 5	443/QĐ- TTPVHC C ngày 06/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
12 4	Sở Nông nghị ệp Môi trườ ng	1.01 3040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	4510/Q Đ-BTC ngày 31/12/2 025	94/QĐ- TTPVH CC ngày 21/01/20 26	240/QĐ- TTPVHC ngày 25/02/20 26	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
12 5	Sở Nông nghị ệp Môi trườ ng	1.01 3965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phươn án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai (Bộ Nông nghị ệp và Môi trườ ng)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2 026	1285/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/9/202 5	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20 25	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
12 6	Sở Nông nghị ệp Môi trườ ng	1.01 4258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghị ệp và Môi trườ ng)	279/QĐ BNNM T ngày 23/01/2 026	230/QĐ- TTPVH CC ngày 14/02/20 25	330/QĐ- TTPVHC C ngày 18/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	Chủ tịch UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVH CC

127	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	279/QĐ-BNNM T ngày 23/01/2026	230/QĐ-TTPVH CC ngày 14/02/2025	330/QĐ-TTPVHC C ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	Chủ tịch UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVH CC
128	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Tỉnh)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	279/QĐ-BNNM T ngày 23/01/2026	230/QĐ-TTPVH CC ngày 14/02/2025	330/QĐ-TTPVHC C ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVH CC
129	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐ-BNNM T ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVH CC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHC C ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
130	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐ-BNNM T ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVH CC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHC C ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC

	ng			trường)				theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)		xã			
13 1	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.00 4223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐ-BNNM T ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVH CC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHC C ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
13 2	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.00 4211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐ-BNNM T ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVH CC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHC C ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC

								dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)					
13 3	Sở Nông nghệ Môi trường	2.00 1770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghệ và Môi trường)	248/QĐ BNNM T ngày 20/01/2 026	233/QĐ- TTPVH CC ngày 14/02/20 26	328/QĐ- TTPVHC C ngày 18/3/202 6	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ- UBND ngày 15/01/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
13 4	Sở Nông nghệ Môi trường	1.00 4283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghệ và Môi trường)	248/QĐ BNNM T ngày 20/01/2 026	233/QĐ- TTPVH CC ngày 14/02/20 26	328/QĐ- TTPVHC C ngày 18/3/202 6	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ- UBND ngày 15/01/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
13 5	Sở Nông nghệ Môi trường	1.00 0824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghệ và Môi trường)	248/QĐ BNNM T ngày 20/01/2 026	233/QĐ- TTPVH CC ngày 14/02/20 26	328/QĐ- TTPVHC C ngày 18/3/202 6	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ- UBND ngày 15/01/2026	31/12 /2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
	Sở			Tài	248/QĐ	233/QĐ-	328/QĐ-			Giám			Điểm hỗ

136	Nông nghiệp Môi trường	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	BNNMT ngày 20/01/2026	TTPVHCC ngày 14/02/2026	TTPVHC ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
137	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
138	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

								theo các quy định hiện hành)					
139	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐ-BNNM T ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVH CC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHC C ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
140	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2299/QĐ-BNN ngày 23/6/2025	252/QĐ-TTPVH CC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHC C ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
141	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2306/QĐ-BNN ngày 23/6/2025	252/QĐ-TTPVH CC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHC C ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ờ i h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
14 2	Sở Nôn g nghi ệp Môi trườ ng	1.01 1607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	967/QĐ -BNN ngày 18/4/20 25	252/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	344/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
14 3	Sở Nôn g nghi ệp Môi trườ ng	1.01 1608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	967/QĐ -BNN ngày 18/4/20 25	252/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	344/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
14 4	Sở Nôn g nghi ệp Môi trườ ng	1.01 1609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	967/QĐ -BNN ngày 18/4/20 25	252/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	344/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
14 5	Sở Nôn g	3.00 0412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giảm nghèo (Bộ	967/QĐ -BNN ngày 18/4/20	252/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202	344/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	nghị ệp Môi trườ ng			Nông nghiệp và Môi trường)	25	5	6						
14 6	Sở Nôn g nghị ệp Môi trườ ng	1.01 3997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2313/Q Đ- BNNM T ngày 23/6/20 25	253/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	383/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số
14 7	Sở Nôn g nghị ệp Môi trườ ng	1.00 3956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	53/QĐ- BNNM T ngày 09/01/2 026	253/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	383/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số
14 8	Sở Nôn g nghị ệp Môi trườ ng	1.00 4498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	53/QĐ- BNNM T ngày 09/01/2 026	253/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	383/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số
14 9	Sở Nôn g nghị ệp Môi	1.00 4680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp,	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường	53/QĐ- BNNM T ngày 09/01/2 026	253/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	383/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	trườ ng		quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng)									
15 0	Sở Nôn g ngh ệp Môi trườ ng	1.00 4656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản (Bộ Nông nghiep và Môi trường)	53/QĐ- BNNM T ngày 09/01/2 026	253/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	383/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
15 1	Sở Nôn g ngh ệp Môi trườ ng	1.01 4801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Thủy sản (Bộ Nông nghiep và Môi trường)	53/QĐ- BNNM T ngày 09/01/2 026	253/QĐ- TTPVH CC ngày 01/3/202 5	383/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Chưa có văn bản quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
15 2	Sở Nôn g ngh ệp Môi trườ ng	1.00 8004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt (Bộ Nông nghiep và Môi trường)	1000/Q Đ- BNNM T ngày 22/04/2 025	273/QĐ- TTPVH CC ngày 04/3/202 6	559/QĐ- TTPVHC C ngày 23/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
15 3	Sở Nôn g ngh iep	1.01 2531	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiep (Bộ Nông	364/QĐ - BNNM T ngày 29/01/2	276/QĐ- TTPVH CC ngày 05/3/202 6	439/QĐ- TTPVHC C ngày 06/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	ệp Môi trườ ng			ngiệp và Môi trường)	026								
15 4	Sở Nôn g ngh ệp Môi trườ ng	1.00 7919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Lâm ngiệp (Bộ Nông ngiệp và Môi trường)	364/QĐ - BNNM T ngày 29/01/2 026	276/QĐ- TTPVH CC ngày 05/3/202 6	439/QĐ- TTPVHC C ngày 06/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
15 5	Sở Nôn g ngh ệp Môi trườ ng	1.01 2922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	Lâm ngiệp (Bộ Nông ngiệp và Môi trường)	364/QĐ - BNNM T ngày 29/01/2 026	276/QĐ- TTPVH CC ngày 05/3/202 6	439/QĐ- TTPVHC C ngày 06/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
15 6	Sở Nôn g ngh ệp Môi trườ ng	1.01 4832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm ngiệp (Bộ Nông ngiệp và Môi trường)	364/QĐ - BNNM T ngày 29/01/2 026	276/QĐ- TTPVH CC ngày 05/3/202 6	439/QĐ- TTPVHC C ngày 06/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
15 7	Sở Nôn g ngh ệp Môi	1.01 2694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm (Bộ Nông ngiệp và	364/QĐ - BNNM T ngày 29/01/2 026	276/QĐ- TTPVH CC ngày 05/3/202 6	439/QĐ- TTPVHC C ngày 06/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

16 1	Sở Nông ngh ệ p Môi trườ ng	1.01 4850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông ngh ệ p và Môi trườ ng)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
16 2	Sở Nông ngh ệ p Môi trườ ng	1.01 4851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông ngh ệ p và Môi trườ ng)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
16 3	Sở Nông ngh ệ p Môi trườ ng	1.01 4852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông ngh ệ p và Môi trườ ng)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
16 4	Sở Nông ngh ệ p	1.01 4853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi:	Thủy lợi (Bộ Nông ngh ệ p)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	ệ M tr ng		Nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	và Môi tr ng)	026								
16 5	Sở Nôn g ngh ệ M tr ng	1.01 4854	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông ngh ệ và Môi tr ng)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
16 6	Sở Nôn g ngh ệ M tr ng	1.01 4859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông ngh ệ và Môi tr ng)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

170	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014864	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ - BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVH CC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
171	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014865	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ - BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVH CC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
172	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ - BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVH CC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
173	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ - BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVH CC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
17	Sở Nông	2.00	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy	Thủy lợi (Bộ	498/QĐ -	331/QĐ-TTPVH	388/QĐ-TTPVHC	Không quy định	Cấp	UBND			Điểm hỗ

4	g nghi ệp Môi trườ ng	1621	lợi nội đồng và tưới tiên tiên, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Nông nghiệp và Môi trường)	BNNM T ngày 09/02/2 026	CC ngày 18/3/202 6	C ngày 30/3/202 6		Xã	D cấp xã			trợ DVC số
17 5	Sở Nông nghi ệp Môi trườ ng	1.00 3347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
17 6	Sở Nông nghi ệp Môi trườ ng	1.00 3471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
17 7	Sở Nông nghi ệp Môi trườ ng	1.01 4848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ - BNNM T ngày 09/02/2 026	331/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	388/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
17 8	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 0733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ - BNNM T ngày 31/01/2 026	459/QĐ- TTPVH CC ngày 09/4/202 6	551/QĐ- TTPVHC C ngày 22/4/202 6	Chi tiết tại Quyết định số 209/QĐ- TTPVHC ngày 12/02/2026	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND	231/QĐ- UBND ngày 15/01/2026; UBND ngày 25/3/2026	31/12 /2028	Chi nhánh TTPVH CC

179	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010727	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ - BNNMT ngày 31/01/2026	459/QĐ-TTPVH CC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHC C ngày 22/4/2026	- Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng/hồ sơ; - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng/hồ sơ; - Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 4.200.000 đồng/hồ sơ;	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVH CC
180	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ - BNNMT ngày 31/01/2026	459/QĐ-TTPVH CC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHC C ngày 22/4/2026	- Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 6.850.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đáp ứng các	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVH CC

								yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng.					
18 1	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 0730	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ - BNNMT ngày 31/01/2026	459/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHC ngày 22/4/2026	- Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 4.950.000 đồng. Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng. Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm	Cấp tỉnh, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC

							công trình xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng						
18 2	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 0736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	973/QĐ - BNNMT ngày 09/4/2022	459/QĐ-TTPVH CC ngày 09/4/2022	551/QĐ-TTPVHC CC ngày 22/4/2022	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
18 3	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 4275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng hiện vật sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ - BNNMT ngày 02/02/2022	1285/QĐ-Đ-TTPVH CC ngày 06/2/2022	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/2020	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
18 4	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 3979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ - BNNMT ngày 02/02/2022	956/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2022	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/2020	Không quy định	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

18 5	Sở Nông nghệ và Môi trường	1.01 3978	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản đồ địa chính theo địa điểm xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Đất đai (Bộ Nông nghệ và Môi trường)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2 026	1285/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/9/202 5	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20 25	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số
18 6	Sở Nông nghệ và Môi trường	1.01 3953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản đồ địa chính theo địa điểm xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Đất đai (Bộ Nông nghệ và Môi trường)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2 026	1285/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/9/202 5	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20 25	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số
18 7	Sở Nông nghệ và Môi trường	1.01 3952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản đồ địa chính theo địa điểm xin giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Đất đai (Bộ Nông nghệ và Môi trường)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2 026	1285/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/9/202 5	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20 25	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số
18 8	Sở Nông nghệ và Môi trường	1.01 3950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai (Bộ Nông nghệ và Môi trường)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2 026	1285/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/9/202 5	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20 25	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND D cấp Xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quy ê n gi á i q u y ế t	QĐ Ủ y q u y ê n (n é u c ó)	Th ờ i h ạn u y q u y ê n	Địa đ i ể m t i ếp n h ậ n
18 9	Sở Nôn g nghi ệp Môi trườ ng	1.01 3962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2 026	1285/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/9/202 5	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20 25	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

			trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở									
190	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ - BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-Đ-TTPVH CC ngày 12/9/2025	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
191	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ - BNNMT ngày 02/02/2026	956/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1077/QĐ - TTPVHC ngày 17/7/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	Cấp Xã	UBND cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
192	Sở Nông	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai	Đất đai (Bộ	445/QĐ -	956/QĐ-TTPVH	1489/QĐ -	Theo quy định của Luật phí và lệ	Cấp Xã	UBND cấp		Điểm hỗ trợ DVC

	nghị Môi trường		sót	Nông nghiệp và trường)	BNNM T ngày 02/02/2	CC ngày 27/6/202	TTPVHC ngày 27/10/20	phí và các văn bản quy phạm pháp Luật phí và lệ phí		xã			số
19 3	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.01 2817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và trường)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2	956/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
19 4	Sở Nông nghi ệp Môi trườ ng	1.01 2753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ - BNNM T ngày 02/02/2 026	1285/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/9/202 5	1489/QĐ - TTPVHC ngày 27/10/20 25	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
19 5	Sở Nông nghi ệp Môi trườ ng	-	Hỗ trợ mua máy cấy, hệ thống thiết bị gieo mạ phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa (Thực hiện theo khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025 /NQ- HĐND ngày 26/11/2 025	482/QĐ- TTPVH CC ngày 13/4/202 6	482/QĐ- TTPVHC C ngày 13/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
19 6	Sở Nông nghi ệp Môi trườ ng	-	Hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới để sản xuất một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao (áp dụng cho sản xuất rau, hoa không dùng đất: giá thể, thủy canh hoặc khí canh) (Thực hiện theo Điều 9 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025 /NQ- HĐND ngày 26/11/2 025	482/QĐ- TTPVH CC ngày 13/4/202 6	482/QĐ- TTPVHC C ngày 13/4/202 6	Không quy định	Cấp Xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

197	Sở Nông nghiệp Môi trường	-	Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt hữu cơ (Thực hiện theo Điều 17 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025	482/QĐ-TTPVH CC ngày 13/4/2026	482/QĐ-TTPVHC C ngày 13/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
198	Sở Nông nghiệp Môi trường	-	Hỗ trợ trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi (Thực hiện theo Điều 20 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025	482/QĐ-TTPVH CC ngày 13/4/2026	482/QĐ-TTPVHC C ngày 13/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
199	Sở Công Thương	3.00/0256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho nhà nước theo quy định của pháp luật	Quản lý công sản	337/QĐ-BTC ngày 27/02/2024	2328/QĐ-UBND ngày 04/5/2025	5629/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVH CC
200	Sở Công Thương	3.00/0257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quản lý công sản	4191/QĐ-BTC ngày 17/12/2025	Quyết định số 2328/QĐ-UBND	1140/QĐ-TTPVHC C ngày 05/8/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND thành phố			Chi nhánh TTPVH CC

						ngày 04/5/20 25	5			phó; UBND D cấp xã			
20 1	Sở Công Thương	2.00 0591	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	2866/Q Đ-BCT ngày 13/10/ 2025	QĐ 291/QĐ- TTPVH CC ngày 08/03/20 26	332/QĐ- TTPVHC C ngày 18/03/20 26	Phí thẩm định: 2.500.000đ/lần/cơ sở	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở, UBND D cấp xã	230/QĐ- UBND ngày 15/01/2026	31/12 /2028	Chi nhánh TTPVH CC
20 2	Sở Công Thương	2.00 0535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	2866/Q Đ-BCT ngày 13/10/ 2025	QĐ 291/QĐ- TTPVH CC ngày 08/03/20 26	332/QĐ- TTPVHC C ngày 18/03/20 26	Phí thẩm định: 2.500.000đ/lần/cơ sở	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở, UBND D cấp xã	230/QĐ- UBND ngày 15/01/2026	31/12 /2028	Chi nhánh TTPVH CC
20 3	Sở Công Thương	2.00 0033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	2902/Q Đ-BCT ngày 04/11/2 024	291/QĐ- TTPVH CC ngày 08/03/20 26	332/QĐ- TTPVHC C ngày 18/03/20 26	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở, UBND D cấp xã	71/QĐ-SCT ngày 28/01/2026	31/12 /2028	Chi nhánh TTPVH CC
20 4	Sở Công Thương	2.00 1474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	2902/Q Đ-BCT ngày 04/11/2 024	291/QĐ- TTPVH CC ngày 08/03/20 26	332/QĐ- TTPVHC C ngày 18/03/20 26	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở, UBND D cấp xã	71/QĐ-SCT ngày 28/01/2026	31/12 /2028	Chi nhánh TTPVH CC
20 5	Sở Công Thương	2.00 0609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp -> Quản lý hoạt động kinh doanh	1299/Q Đ-BCT ngày 31/05/2 023	2804/Q Đ- UBND ngày 19/5/202 3 QĐ 291/QĐ-	332/QĐ- TTPVHC C ngày 18/03/20 26	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã	71/QĐ-SCT ngày 28/01/2026	31/12 /2028	Chi nhánh TTPVH CC

				theo phương thức đa cấp		TTPVH CC ngày 08/09/2026							
206	Sở Công Thương	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025	282/QĐ-TTPVH CC ngày 06/3/2026	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
207	Sở Công Thương	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	1752/QĐ-BCT ngày 19/06/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
208	Sở Công Thương	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	1752/QĐ-BCT ngày 19/06/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
209	Sở Công Thương	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025	282/QĐ-TTPVH CC ngày 06/3/2026	563/QĐ-TTPVHC C ngày 3/4/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
210	Sở Công Thương	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	1781/QĐ-BCT ngày 23/06/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVH CC ngày	563/QĐ-TTPVHC C ngày 3/4/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

				nước		27/6/2025							
21 1	Sở Công Thương	2.00 0150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025	282/QĐ-TTPVH CC ngày 06/3/2026	563/QĐ-TTPVHC C ngày 3/4/2026	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quy ê n gi á i qu y ế t	QĐ Ủ y qu y ê n (nếu có)	Th ờ i h ạn u y qu y ê n	Địa đ i ể m t i ếp n h ậ n
21 2	Sở Công Thương	2.00 0633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2866/Q Đ-BCT ngày 13/10/ 2025	282/QĐ- TTPVH CC ngày 06/3/202 6	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/8/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
21 3	Sở Công Thương	2.00 0629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2866/Q Đ-BCT ngày 13/10/ 2025	QĐ 1493/Q Đ- TTPVH CC ngày 27/10/20 25	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/8/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
21 4	Sở Công Thương	1.00 1279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2866/Q Đ-BCT ngày 13/10/ 2025	282/QĐ- TTPVH CC ngày 06/3/202 6	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/8/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
21 5	Sở Công Thương	2.00 0206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1752/Q Đ-BCT ngày 19/6/20 25	QĐ 931/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1118/QĐ - TTPVHC C ngày 31/07/20 25	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

21 6	Sở Công Thương	1.01 2568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý	1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/08/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
21 7	Sở Công Thương	2.00 1283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVH CC ngày 06/3/2026	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/08/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
21 8	Sở Công Thương	2.00 1261	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVH CC ngày 06/3/2026	2187/QĐ - TTPVHC C ngày 29/12/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
21 9	Sở Công Thương	2.00 1270	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVH CC ngày 06/3/2026	2187/QĐ - TTPVHC C ngày 29/12/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 0	Sở Công Thương	1.01 2569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Phát triển và quản lý chợ	1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVH CC ngày 27/6/2025	1125/QĐ - TTPVHC C ngày 01/08/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

22 1	Sở Công Thương	1.01 2427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	1752/Q Đ-BCT ngày 19/6/20 25	QĐ 931/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	301/QĐ- TTPVHC C ngày 12/03/20 26	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND D thàn h phố; UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 2	Sở Công Thương	2.00 1384	Phê duyệt phương án cấm móc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	2866/Q Đ-BCT ngày 13/10/ 2025	QĐ 1493/Q Đ- TTPVH CC ngày 27/10/20 25	2187/QĐ - TTPVHC C ngày 29/12/20 25	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND D thàn h phố; UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 3	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 4	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 6390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 5	Sở Giáo dục	1.00 6444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non	1650/Q Đ- BGDD	1168/Q Đ- TTPVH	1270/QĐ - TTPVHC	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	Đào tạo				T ngày 20/06/2025	CC ngày 12/08/2025	C ngày 9/9/2025						
22 6	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 6445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 7	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 8	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
22 9	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 1842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
23 0	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 4552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

					025	12/08/2025							
23 1	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 4563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
23 2	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 1639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
23 3	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 5099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học	1755/Q Đ-BGDĐT ngày 27/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
23 4	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
23 5	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	1650/Q Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/Q Đ-TTPVHC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
23	Sở	1.01	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có	Giáo dục	1650/Q Đ-	1168/Q Đ-	1270/QĐ -	Không quy định	Cấp	UBND			Điểm hỗ

6	Giáo dục Đào tạo	2966	nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	trung học	BGDĐT ngày 20/06/2025	TTPVH CC ngày 12/08/2025	TTPVHC C ngày 9/9/2025		xã	D cấp xã			trợ DVC số
237	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVH CC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
238	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVH CC ngày 12/08/2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h ư c h i ệ n	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ờ i h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
23 9	Sở Giáo dục Đào tạo	3.00 0182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1693/Q Đ- BGDD T ngày 25/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND Đ cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
24 0	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 2481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1693/Q Đ- BGDD T ngày 25/06/2 025	333/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	341/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	Cơ sở giáo dục	6527/QĐ- UBND ngày 30/12/2025	31/12 /2028	Cơ sở giáo dục
24 1	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 2482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học	1755/Q Đ- BGDD T ngày 27/06/2 025	333/QĐ- TTPVH CC ngày 18/3/202 6	341/QĐ- TTPVHC C ngày 23/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	Cơ sở giáo dục	6527/QĐ- UBND ngày 30/12/2025	31/12 /2028	Cơ sở giáo dục
24 2	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 2483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học	1755/Q Đ- BGDD T ngày 27/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND Đ cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
					2108/Q	1168/Q	1270/QĐ						

24 3	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 1904	Tiếp nhận đối tượng học bổng trung học cơ sở	Giáo dục trung học	Đ- BGDD T ngày 24/06/2 021	Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	- TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
24 4	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 5108	Thuyên chuyển đối tượng học bổng trung học cơ sở	Giáo dục trung học	2108/Q Đ- BGDD T ngày 24/06/2 021	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
24 5	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 1960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cấp đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	1674/Q Đ- BGDD T ngày 24/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
24 6	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 2284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp	1674/Q Đ- BGDD T ngày 24/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
24 7	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
					1650/Q	1168/Q	1270/QĐ						

24 8	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	Đ- BGDĐT 20/06/2 025	Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	- TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
24 9	Sở Giáo dục Đào tạo	3.00 0307	Sáp nhập, chia tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	1650/Q Đ- BGDĐT 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 0	Sở Giáo dục Đào tạo	3.00 0308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	1650/Q Đ- BGDĐT 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 1	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 8725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	843/QĐ - BGDĐT T ngày 09/4/20 26	Đang dự thảo	Đang dự thảo	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 2	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 3702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	711/QĐ - BGDĐT T ngày 13/03/2 023	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
				Giáo dục	1755/Q	1168/Q	1270/QĐ						

25 3	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 1622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Đ- BGDD T ngày 27/06/2 025	Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	- TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND đ cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 4	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 8950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1755/Q Đ- BGDD T ngày 27/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND đ cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 5	Sở Giáo dục Đào tạo	1.00 8951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1755/Q Đ- BGDD T ngày 27/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND đ cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 6	Sở Giáo dục Đào tạo	3.00 0309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Cơ sở giáo dục khác	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND đ cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 7	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Cơ sở giáo dục khác	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND đ cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

						2025							
25 8	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cơ sở giáo dục khác	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
25 9	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Cơ sở giáo dục khác	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
26 0	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cơ sở giáo dục khác	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
26 1	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 2974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cơ sở giáo dục khác	1650/Q Đ- BGDD T ngày 20/06/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
26 2	Sở Giáo dục Đào tạo	2.00 2770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ học phí, hỗ trợ gạo	Cơ sở giáo dục khác	951/QĐ - BGDD T ngày 09/04/2 025	1168/Q Đ- TTPVH CC ngày 12/08/ 2025	1270/QĐ - TTPVHC C ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
26 3	Sở Giáo dục	2.00 2771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cơ sở giáo dục khác	951/QĐ - BGDD T ngày	1168/Q Đ- TTPVH CC	1270/QĐ - TTPVHC C ngày	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	Đào tạo				09/04/2025	ngày 12/08/2025	9/9/2025						
264	Sở Giáo dục Đào tạo	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	1650/QĐ-Đ-BGDĐT ngày 20/06/2025	211/QĐ-TTPVH CC ngày 12/2/2026	212/QĐ-TTPVHC C ngày 12/2/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	453/QĐ-QGDĐT ngày 23/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
265	Sở Giáo dục Đào tạo	1.014997	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực dành cho thương binh, người khuyết tật	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	843/QĐ - BGDDĐT ngày 09/4/2026	Đang dự thảo	Đang dự thảo	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
266	Sở Giáo dục Đào tạo	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tự thực và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2624/QĐ-Đ-BGDĐT ngày 17/09/2025	1403/QĐ-Đ-TTPVH CC ngày 07/10/2025	501/QĐ-TTPVHC C ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quy ê n gi á i q u y ế t	QĐ Ủ y q u y ê n (nếu có)	Th ờ i h ạn u y q u y ê n	Đ i a đ i ể m t i ếp n h ậ n
26 7	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 4336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2624/QĐ-Đ-BGDĐT ngày 17/09/2025	1403/QĐ-Đ-TTPVHCC ngày 07/10/2025	501/QĐ-TTPVHC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
26 8	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 4337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2624/QĐ-Đ-BGDĐT ngày 17/09/2025	1403/QĐ-Đ-TTPVHCC ngày 07/10/2025	501/QĐ-TTPVHC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
26 9	Sở Giáo dục Đào tạo	1.01 4996	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục	Giáo dục mầm non	843/QĐ - BGDĐT ngày 09/4/2026	Đang dự thảo	Đang dự thảo	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

27 6	Sở Tư pháp	2.00 2363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	361/QĐ -BTP ngày 23/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
27 7	Sở Tư pháp	2.00 2080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	QĐ/000 1-BTP	295/QĐ- TTPVH CC ngày 08/3/202 6	309/QĐ- TTPVHC C ngày 13/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
27 8	Sở Tư pháp	2.00 2165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước	3787 /QĐ- BTP ngày 31/12/2 025	295/QĐ- TTPVH CC ngày 08/3/202 6	309/QĐ- TTPVHC C ngày 13/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
27 9	Sở Tư pháp	2.00 1255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	1848/Q Đ-BTP ngày 23/06/2 025	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
28 0	Sở Tư pháp	2.00 1263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	361/QĐ -BTP ngày 23/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
28 1	Sở Tư pháp	1.00 5461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
28 2	Sở Tư pháp	1.00 4746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày	216/QĐ- TTPVH CC ngày	387/QĐ- TTPVHC C ngày	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

					16/01/2026	13/02/2026	30/3/2026						
283	Sở Tư pháp	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
284	Sở Tư pháp	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
285	Sở Tư pháp	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
286	Sở Tư pháp	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
287	Sở Tư pháp	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
288	Sở Tư pháp	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
289	Sở Tư pháp	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

					026	26	6						
29 0	Sở Tư pháp	1.00 0593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
29 1	Sở Tư pháp	1.00 3583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
29 2	Sở Tư pháp	2.00 0913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Chứng thực	858/QĐ -BTP ngày 27/3/20 26	111/QĐ- TTPVH CC ngày 26/01/20 26	đang chờ dự thảo	30.000 đồng/giao dịch	Cấp xã	UBN D cấp xã			Chi nhánh TTPVH CC
29 3	Sở Tư pháp	2.00 0497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyề n giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ờ i h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
29 4	Sở Tư pháp	2.00 0513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
29 5	Sở Tư pháp	1.00 0893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
29 6	Sở Tư pháp	2.00 0522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
29 7	Sở Tư pháp	2.00 0547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
29 8	Sở Tư pháp	2.00 0554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

			nước ngoài									
29 9	Sở Tư pháp	2.00 2189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
30 0	Sở Tư pháp	2.00 0748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
30 1	Sở Tư pháp	2.00 0756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
30 2	Sở Tư pháp	1.00 1669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
30 3	Sở Tư pháp	1.00 1695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
30 4	Sở Tư pháp	2.00 0779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
30 5	Sở Tư pháp	1.00 1766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2 026	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20 26	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202 6	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
30 6	Sở Tư pháp	2.00 0806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ -BTP ngày 16/01/2	216/QĐ- TTPVH CC ngày 13/02/20	387/QĐ- TTPVHC C ngày 30/3/202	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số

					026	26	6						
307	Sở Tư pháp	2.00 0528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
308	Sở Tư pháp	1.00 0656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
309	Sở Tư pháp	1.00 0894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
310	Sở Tư pháp	1.00 4873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
311	Sở Tư pháp	1.00 1193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
312	Sở Tư pháp	2.00 0884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVH CC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	- Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản) tại địa: 10 USD/bản.	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
313	Sở Tư pháp	2.00 2516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày	216/QĐ-TTPVH CC ngày	387/QĐ-TTPVHC C ngày	Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự	Cấp tỉnh,	UBND cấp			Điểm hỗ trợ DVC

					16/01/2026	13/02/2026	30/3/2026	kiện hộ tịch đã đăng ký	cấp xã	xã			số
314	Sở Tư pháp	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
315	Sở Tư pháp	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	đang chờ dự thảo	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
316	Sở Tư pháp	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	3152/QĐ-BTP ngày 31/10/2025	100/QĐ-TTPVH CC ngày 18/02/2025	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
317	Sở Tư pháp	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVH CC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
318	Sở Tư pháp	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVH CC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	10.000 đồng/trường hợp	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
319	Sở Tư pháp	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	3152/QĐ-BTP ngày 31/10/2025	100/QĐ-TTPVH CC ngày 18/02/2025	387/QĐ-TTPVHC C ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

320	Sở Tư pháp	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVH CC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/giao dịch. (Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản)	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
321	Sở Tư pháp	2.001019	Chứng thực di chúc	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVH CC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/di chúc	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
322	Sở Tư pháp	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVH CC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/văn bản	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
323	Sở Tư pháp	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVH CC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/văn bản	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
324	Sở Tư pháp	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVH CC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	25.000 đồng/giao dịch	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ời h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
32 5	Sở Tư pháp	2.00 0942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	858/QĐ -BTP ngày 27/3/20 26	111/QĐ- TTPVH CC ngày 26/01/20 26	đang chờ dự thảo	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
32 6	Sở Tư pháp	2.00 2621	Liên thông Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch	296/QĐ -VPCP ngày 12/6/20 24	3211/Q Đ- UBND ngày 21/6/202 4	Đang cập nhật	- Trường hợp Đăng ký khai sinh đúng hạn: Miễn lệ phí. - Trường hợp Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000đ/1 việc.	Liên th ôn g đ i ệ n t r				
32	Sở Tư	2.00	Liên thông Đăng ký khai tử,	Hộ tịch	296/QĐ -VPCP	3211/Q Đ-	Đang	- Trường hợp Đăng ký khai tử	Liên th				

7	pháp	2622	xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất		ngày 12/6/2024	UBND ngày 21/6/2024	cập nhật	đúng hạn: Miễn lệ phí. - Trường hợp Đăng tử khai sinh không đúng hạn: 5.000đ/1 việc.	ôn g đi ện tử				
328	Sở Xây dựng	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	901/QĐ - BGTVT ngày 24/6/2025	957/QĐ - TTPVH CC ngày 27/6/2025	1092/QĐ - TTPVHC C ngày 23/7/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; Ban QL; UBND cấp xã	74/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND TP Hà Nội về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông, giao địa bàn thành phố Hà Nội		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
329	Sở Xây dựng	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	871/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	1056/Q Đ- TTPVH CC ngày 11/7/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/7/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; Ban QL; UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND TP: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
330	Sở Xây dựng	1.000314	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	871/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	1056/Q Đ- TTPVH CC ngày 11/7/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/7/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH

					/2025	5						CC
33 1	Sở Xây dựng	2.00 1921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	871/QĐ -BXD ngày 19/6/20 25	1056/Q Đ- TTPVH CC ngày 11/7 /2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/7/202 5	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
33 2	Sở Xây dựng	1.00 9465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/20 25	1651/Q Đ- TTPVH CC ngày 08/12/ 2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/20 25	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND D cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ- UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội	Chi nhánh TTPVH CC
				Hàng hải	870/QĐ	1056/Q	1104/QĐ					Điểm hỗ

33 3	Sở Xây dựng	1.00 9444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	và đườn g thủy nội địa	-BXD ngày 19/6/20 25	Đ- TTPVH CC ngày 11/7/202 5	- TTPVHC C ngày 25/7/202 5	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND D cấp xã			trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
33 4	Sở Xây dựng	1.00 5040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
33 5	Sở Xây dựng	1.00 4088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
33 6	Sở Xây dựng	1.00 4047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
33 7	Sở Xây dựng	2.00 1711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đườn g thủy	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC

				nội địa									
33 8	Sở Xây dựng	1.00 4002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
33 9	Sở Xây dựng	1.00 3970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
34 0	Sở Xây dựng	1.00 6391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
34 1	Sở Xây dựng	1.00 3930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
34 2	Sở Xây dựng	1.00 4036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ	Hàng hải và	902/QĐ -BXD ngày	932/QĐ- TTPVH CC ngày	1096/QĐ - TTPVHC	70.000 đồng / giấy	Cấp tỉnh,	Sở; UBN			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi

			cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	đườn g thủy nội địa	24/6/20 25	27/6/202 5	C ngày 24/7/202 5		cấp xã	D cấp xã			nhánh TTPVH CC
34 3	Sở Xây dựng	2.00 1659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	902/QĐ -BXD ngày 24/6/20 25	932/QĐ- TTPVH CC ngày 27/6/202 5	1096/QĐ - TTPVHC C ngày 24/7/202 5	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
34 4	Sở Xây dựng	1.00 9447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/20 25	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/20 25	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/20 25	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
34 5	Sở Xây dựng	1.00 3658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/20 25	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/20 25	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/20 25	100.000 VNĐ	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
34 6	Sở Xây dựng	1.00 9452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/20 25	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/20 25	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/20 25	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
34 7	Sở Xây dựng	1.00 9453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách	Hàng hải và	870/QĐ -BXD ngày	QĐ 933/TTP VHCC	1104/QĐ - TTPVHC	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp			Điểm hỗ trợ DVC

			ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	đườn g thủy nội địa	19/6/20 25	ngày 27/06/20 25	C ngày 25/07/20 25			xã			số
--	--	--	--	---------------------------------	---------------	------------------------	--------------------------	--	--	----	--	--	----

ST T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TT HC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
348	Sở Xây dựng	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
349	Sở Xây dựng	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
350	Sở Xây dựng	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
351	Sở Xây dựng	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đườn g thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

352	Sở Xây dựng	2.00 1214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
353	Sở Xây dựng	2.00 1211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
354	Sở Xây dựng	2.00 1218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
355	Sở Xây dựng	2.00 1217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTP VHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ - TTPVHC C ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

			quan sát										
356	Sở Xây dựng	1.01 3239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	864/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ - TTPVH CC NGÀY 27/06/2025	1704/QĐ - TTPVHC C ngày 15/12/2025	PHÍ THẨM ĐỊNH: Số phí phải nộp = Tổng mức đầu tư (tính theo giá trị đề nghị thẩm định) x Mức thu phí. (quy định tại Biểu mức thu phí); (Biểu phí Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) Mức thu phí tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án được áp dụng tại từng cơ quan thẩm định. Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 giảm 50% phí theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở (Bộ phận Một cửa Sở Công thương, Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban QL); UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội		Chi nhánh TTPVH CC

357	Sở Xây dựng	1.01 3234	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	864/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ - TTPVH CC NGÀY 27/06/2025	1704/QĐ - TTPVHC C ngày 15/12/2025	<p>PHÍ THẨM ĐỊNH:</p> <p>Mức thu phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí xây dựng trong dự toán công trình đề nghị thẩm định được áp dụng tại từng cơ quan thẩm định.</p> <p>Phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng tối đa không quá 150.000.000 đồng/chi phí thẩm định/cơ quan thẩm định và tối thiểu không dưới 500.000 đồng/chi phí thẩm định/cơ quan thẩm định.</p> <p>Hết hạn ngày 31/12/2026 50% giảm theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC</p>	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở (Bộ phận Một cửa Sở Công thương, Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban QL); UBN D cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội	Chi nhánh TTPVH CC
358	Sở Xây dựng	1.01 3225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo	Hoạt động xây dựng	864/QĐ -BXD ngày	948/QĐ - TTPVH	1093/QĐ - TTPVHC	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng	Cấp xã	UBND cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số

			tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		19/6/2025	CC NGÀY 27/06/2025	C ngày 23/07/2025	lẻ)						
359	Sở Xây dựng	1.01/3229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ - TTPVHC CC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ - TTPVHC C ngày 23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBN D cấp xã	1913/QĐ-UBND	31/12/2029	Điểm hỗ trợ DVC số	
360	Sở Xây dựng	1.01/3226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ - TTPVHC CC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ - TTPVHC C ngày 23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBN D cấp xã	1913/QĐ-UBND	31/12/2029	Điểm hỗ trợ DVC số	

			riêng lẻ.										
361	Sở Xây dựng	1.01 3232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ - TTPVHC CC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ - TTPVHC C ngày 23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã	1913/QĐ-UBND	31/12/2029	Điểm hỗ trợ DVC số
362	Sở Xây dựng	1.01 3227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ - TTPVHC CC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ - TTPVHC C ngày 23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông		Điểm hỗ trợ DVC số
363	Sở Xây dựng	1.01 3228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến	Hoạt động xây dựng	864/QĐ -BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ - TTPVHC CC	1093/QĐ - TTPVHC C ngày	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng	Cấp xã	UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban		Điểm hỗ trợ DVC số

			trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		25	NGÀY 27/06/2025	/23/07/2025	lẻ)			hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông		
364	Sở Xây dựng	1.01 2888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở công sở	903/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	1024/QĐ-TTPVH CC NGÀY 03/07/2025	1095/qđ-TTPVH C ngày 24/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
365	Sở Xây dựng	1.00 2693	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	1813/QĐ-BXD ngày 20/10/2025	1504/QĐ-TTPVH CC 29 tháng 10 năm 2025	671/QĐ-TTPVHC C ngày 28/4/2025	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyề n giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ờ i h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
36 6	Sở Xây dựng	1.01 4632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Nhà ở	2417/Q Đ-BXD ngày 26/12/2 025	118/QĐ- TTPVH CC ngày 27/01/20 26	Chưa có	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	VPĐK ĐĐ, Xã/Ph ường, Công an Xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
36 7	Công an Thành phố	1.01 3313	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Đăng ký, quản lý cur trú (Bộ Công an)	9354/Q Đ- BCA- C06 ngày 20/11/ 2025	102/QĐ- TTPVH CC ngày 18/02/20 25	Chưa có	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
36 8	Công an Thành phố	1.01 3314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Đăng ký, quản lý cur trú (Bộ Công an)	9354/Q Đ- BCA- C06 ngày 20/11/ 2025	102/QĐ- TTPVH CC ngày 18/02/20 25	Chưa có	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
36 9	Công an Thành	3.00 0494	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá	Phòng cháy, chữa	5461/Q Đ- BCA-	1167/Q Đ- TTPVH	129/QĐ- TTPVHC C ngày	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

	phố		nhân	cháy (Bộ Công an)	C07 ngày 27/6/2025	CC ngày 12/8/2025	28/01/2026						
370	Công an Thành phố	3.000509	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	5461/QĐ-BCA-C07 ngày 27/6/2025	1167/QĐ-TTPVH CC ngày 12/8/2025	129/QĐ-TTPVHC ngày 28/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
371	Công an Thành phố	3.000510	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bị chết	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	5461/QĐ-BCA-C07 ngày 27/6/2025	1167/QĐ-TTPVH CC ngày 12/8/2025	129/QĐ-TTPVHC ngày 28/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
372	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/QĐ-BXD	1261/QĐ-TTPVH CC	1474/QĐ-TTPVH CC	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; Ban quản lý; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
373	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/QĐ-BXD	1261/QĐ-TTPVH CC	1474/QĐ-TTPVH CC	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND thành phố; Ban QL; UBND cấp			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC

									xã			
37 4	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.01 4157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/Q Đ-BXD	1261/QĐ - TTPVH CC	1474/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; Ban quản lý; UBND D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
37 5	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.01 4158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/Q Đ-BXD	1261/QĐ - TTPVH CC	1474/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND D thành phố; Sở, Ban QL, UBND D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
37 6	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.01 4159	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/Q Đ-BXD	1261/QĐ - TTPVH CC	1474/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	Sở; Ban quản lý; UBND D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
37 7	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.01 2590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ - BDTTG ngày 24/06/2 025	947/QĐ- TTPVH CC ngày 27/06/20 25	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã		Điểm hỗ trợ DVC số
37	Sở Dân	1.01	Thủ tục đăng ký thay đổi	Tín	364/QĐ	947/QĐ-	1211/QĐ	Không quy định	Cấp	UBND		Điểm hỗ

8	tộc Tôn giáo	2585	người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung ở một xã	ngưỡng, tôn giáo	- BDTTG ngày 24/06/2025	TTPVH CC ngày 27/06/2025	- TTPVH CC		xã	D cấp xã			trợ DVC số
379	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012599	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ - BDTTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
380	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012598	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ - BDTTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
381	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012596	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ - BDTTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
382	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ - BDTTG ngày 28/03/2025	947/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
383	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ - BDTTG ngày 28/03/2025	947/QĐ-TTPVH CC ngày 27/06/2025	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

38 4	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.01 2584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ - BDTTG ngày 28/03/2 025	947/QĐ- TTPVH CC ngày 27/06/20 25	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
38 5	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.01 2582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ - BDTTG ngày 28/03/2 025	947/QĐ- TTPVH CC ngày 27/06/20 25	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
38 6	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.01 2222	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Dân tộc	988/QĐ -UBDT ngày 21/12/2 023	269/QĐ- TTPVH CC ngày 20/03/20 25	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
38 7	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.01 2223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Dân tộc	988/QĐ -UBDT ngày 21/12/2 023	269/QĐ- TTPVH CC ngày 20/03/20 25	1211/QĐ - TTPVH CC	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
38 8	Thanh tra Thành phố	2.00 2501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Phòng, chống tham những	194/QĐ -TTCP	2316/QĐ -UBND	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			UBND cấp xã

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ô n g b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cá p t h u c h i ệ n	Thẩm quyề n giải quyết	QĐ Ủy quy ền (nếu có)	Th ời hạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
38 9	Thanh tra Thành phố	1.01 0945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Phòng, chống tham nhũng	193/QĐ -TTCP	2316/QĐ -UBND	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			UBND cấp xã
39 0	Thanh tra Thành phố	2.00 2396	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Phòng, chống tham nhũng	587/QĐ -TTCP	1132/QĐ - TTPVH CC	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			UBND cấp xã
39 1	Thanh tra Thành phố	2.00 2409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Phòng, chống tham nhũng	587/QĐ -TTCP	1132/QĐ - TTPVH CC	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			UBND cấp xã
39 2	Sở Tài chính	1.01 4736	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia	94/QĐ- BTC ngày 20/01/2 026	271/QĐ- TTPVH CC ngày 04/3/202 6	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBND D thàn h phố; UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH CC
39 3	Sở Tài chính	2.00 2226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

				của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)			03/7/202 5						
39 4	Sở Tài chính	2.00 2228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
39 5	Sở Tài chính	2.00 2668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 147/QĐ- TTPVHC C ngày 02/02/20 26	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
39 6	Sở Tài chính	2.00 2648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/Q Đ-BTC ngày 15/12/2 025	122/QĐ- TTPVH CC ngày 27/01/20 26	QĐ số 364/QĐ- TTPVHC C ngày 25/3/202 6	Cập nhật, bổ sung thông tin: 30.000 đồng	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
39 7	Sở Tài chính	2.00 2649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên	Thành lập và hoạt động của	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH	Không quy định	Cấp xã	UBND D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

			hiệp hợp tác xã	tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	025		CC ngày 03/7/2025						
398	Sở Tài chính	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025	122/QĐ-TTPVH CC ngày 27/01/2026	QĐ số 364/QĐ-TTPVHC C ngày 25/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
399	Sở Tài chính	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
400	Sở Tài chính	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
401	Sở Tài chính	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp	Thành lập và hoạt	4167/QĐ-BTC	122/QĐ-TTPVH	QĐ số 364/QĐ-	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp			Điểm hỗ trợ DVC

40 4	Sở Tài chính	2.00 2636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
40 5	Sở Tài chính	2.00 2637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
40 6	Sở Tài chính	2.00 2635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

				Tài chính)									
40 7	Sở Tài chính	1.00 4901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã (Bộ chính)	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	30.000 đồng	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
40 8	Sở Tài chính	1.00 5010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
40 9	Sở Tài chính	2.00 1958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã (Bộ chính)	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41 0	Sở Tài chính	1.00 4979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	30.000 đồng	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

S T T	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã T T H C	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ C ô n g b ố c ủ a B ộ	QĐ C ông b ố c ủ a T P	QĐ phê duyệt Q T N B	Phí, lệ phí	Cá p t h ư c h i ệ n	Thẩm quyề n giải quyết	QĐ Ủ y quy ền (nếu có)	Th ời h ạn ủy quy ền	Địa điểm tiếp nhận
41 1	Sở Tài chính	1.00 4982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và đăng ký hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ chính)	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41 2	Sở Tài chính	1.00 5378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	30.000 đồng	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41 3	Sở Tài chính	1.00 5277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhập sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ	2103/Q Đ-BTC ngày 23/06/2 025	951/QĐ- TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/202 5	30.000 đồng	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

				Tài chính)									
41 4	Sở Tài chính	2.00 2123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025	122/QĐ-TTPVH CC ngày 27/01/2026	QĐ số 364/QĐ-TTPVHC C ngày 25/3/2026	100.000 đồng	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41 5	Sở Tài chính	1.00 5280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVH CC	QĐ số 1025/QĐ - TTPVH CC ngày 03/7/2025	200.000 đồng	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41 6	Sở Tài chính	1.01 4034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ - TTPVH CC	QĐ số 1191/QĐ - TTPVH CC ngày 19/8/2025	100.000 đồng (nộp hồ sơ trực tiếp) Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41	Sở Tài	1.01	Dừng thực hiện thủ tục đăng	Thành lập và	2353/QĐ-BTC	1076/QĐ	QĐ số 1191/QĐ	Không quy định	Cấp	UBN			Điểm hỗ

7	chính	4035	ký hộ kinh doanh	hoạt động của hộ kinh doanh	ngày 03/7/2025	- TTPVH CC	- TTPVH CC ngày 19/8/2025		xã	D cấp xã			trợ DVC số
418	Sở Tài chính	2.00 0575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ - TTPVH CC	QĐ số 1191/QĐ - TTPVH CC ngày 19/8/2025	100.000 đồng (nộp hồ sơ trực tiếp) Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
419	Sở Tài chính	1.00 1266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ - TTPVH CC	QĐ số 1191/QĐ - TTPVH CC ngày 19/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
420	Sở Tài chính	1.00 1570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ - TTPVH CC	QĐ số 1191/QĐ - TTPVH CC ngày 19/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
421	Sở Tài chính	2.00 0720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ - TTPVH CC	QĐ số 1191/QĐ - TTPVH CC ngày 19/8/2025	100.000 đồng (nộp hồ sơ trực tiếp) Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
42	Sở Tài	1.00	Đăng ký thành lập hộ kinh	Thành lập và	2353/QĐ-BTC	1076/QĐ	QĐ số 1191/QĐ	100.000 đồng (nộp hồ sơ	Cấp	UBND			Điểm hỗ

2	chính	1612	doanh	hoạt động của hộ kinh doanh	ngày 03/7/2025	- TTPVH CC	- TTPVH CC ngày 19/8/2025	trực tiếp) Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	xã	D cấp xã			trợ DVC số
423	Sở Tài chính	1.01 4371	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác xã, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	3457/QĐ-BTC ngày 10/10/2025	1567/QĐ-TTPVH-CC ngày 11/11/2025	QĐ số 147/QĐ-TTPVHC ngày 02/02/2026	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
424	Sở Tài chính	1.01 4737	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia	94/QĐ-BTC ngày 20/1/2026	271/QĐ-TTPVH-CC ngày 04/3/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
425	Sở Tài chính	3.00 0410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	4191/QĐ-BTC ngày 17/12/2025	QĐ số 41/QĐ-TTPVH-CC ngày 09/01/2026	QĐ số 109/QĐ-TTPVHC ngày 26/01/2026	Không quy định	Cấp tỉnh, cấp xã	UBN D thành phố; UBN D cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVH-CC